

Bản án số: 184/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 28-11-2025

V/v “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Tuấn Trường;

2. Ông Nguyễn Thanh Tùng;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp tham gia phiên tòa: ông Võ Minh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2025, tại Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 279/2025/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 10 năm 2025, về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 599/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 476/2025/QĐST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* Chị Phạm Ngọc Kim N, sinh năm: 1997;

Địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp. (Xin vắng mặt)

2/ *Bị đơn:* Anh Đặng Công T, sinh năm 1996;

Địa chỉ: ấp V, xã T, tỉnh Đồng Tháp. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình tố tụng nguyên đơn Phạm Ngọc Kim N trình bày:*

Chị và anh T tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp) vào ngày 29/9/2020. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do hai bên không có tiếng nói chung, anh T không chăm lo gia đình, thường xuyên nhậu nhẹt, chị đã nhiều lần khuyên can nhưng không hàn gắn được; anh chị đã ly thân từ tháng 5/2025 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn hạnh phúc nên chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Đặng Ngọc Nhã Đ và Đặng Ngọc Nhã U cùng sinh ngày 08/5/2021. Khi ly hôn chị N yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung nợ chung: Không yêu cầu toà án giải quyết.

** Bị đơn anh Đặng Công T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án không có ý kiến hay yêu cầu gì mặc dù toà án đã triệu tập hợp lệ.*

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Đặng Công T có nơi cư trú tại xã T, tỉnh Đồng Tháp nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải đối thoại tại toà án, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị N xin ly hôn với anh T, yêu cầu giải quyết về con chung, căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ. Căn cứ vào Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[4] Về nội dung vụ án:

[4.1] Về hôn nhân: Chị N và anh T chung sống với nhau từ năm 2020, kết hôn trên tinh thần tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 47/2020 ngày 29/9/2020 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Chị N cho rằng trong thời gian chung sống thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, do hai bên không có tiếng nói chung, anh T không chăm lo gia đình, thường xuyên nhậu nhẹt, chị đã nhiều lần khuyên can nhưng không hàn gắn được, chị và anh T đã ly thân từ tháng 5/2025 đến nay, nay tình cảm không còn chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Trong quá trình giải quyết, anh T đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án nhưng anh T không có ý kiến gì và vắng mặt trong các buổi hòa giải cho thấy anh T không còn tha thiết hàn gắn cuộc hôn nhân này.

Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh T đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị N và anh T đã có thời gian ly thân với nhau nhưng anh chị đến nay vẫn không thể hàn gắn được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị N là có cơ sở để chấp nhận. Căn cứ vào Điều 56 luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N với anh T.

[4.2] Về con chung: Anh, chị có 02 người con chung tên Đặng Ngọc Nhã Đ và Đặng Ngọc Nhã U cùng sinh ngày 08/5/2021 hiện đang sống cùng với chị N. Khi ly hôn chị N yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy hiện tại hai cháu Nhã Đ và Nhã U đang sống cùng với chị N; các cháu được chị chăm sóc nuôi dưỡng tốt; trong quá trình giải quyết vụ án anh T cũng không có thể hiện ý kiến hay yêu cầu gì về con chung; Để đảm bảo điều kiện phát triển ổn định cho các cháu nên Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình tiếp tục giao cháu Đặng Ngọc N1 Đan và Đặng Ngọc Nhã U cùng sinh ngày 08/5/2021 cho chị Phạm Ngọc Kim N tiếp tục nuôi dưỡng;

Về cấp dưỡng nuôi con: **Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.**

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Trong trường hợp cần thiết thì các đương sự được thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nhằm đảm bảo quyền lợi cho con.

[4.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[5]. Về án phí: Chị N phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Anh T không phải chịu án phí.

[6]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải đối thoại tại toà án;

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP Ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Ngọc Kim N.

1. Về hôn nhân: Chị Phạm Ngọc Kim N được ly hôn với anh Đặng Công T.

2. Về con chung: Chị Phạm Ngọc Kim N được tiếp tục nuôi dưỡng 02 người con chung tên Đặng Ngọc Nhã Đ và Đặng Ngọc Nhã U cùng sinh ngày 08/5/2021; anh Đặng Công T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Trong trường hợp cần thiết thì các đương sự được thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nhằm đảm bảo quyền lợi cho con.

3. Về án phí: Chị Phạm Ngọc Kim N phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0003473 ngày 06 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, chị N đã nộp đủ án phí. Anh Đặng Công T không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm. Trường hợp đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND KV2-ĐT;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Điện- ĐT;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Thảo